

Số: 1381/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 16 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi và mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH.

SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI NINH BÌNH

ĐẾN: Số: 5321

Ngày: 17/12/2015

Chuyên:

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BGTVT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2787/TTr-SGTVT ngày 26/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi và mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi và mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Giao thông Vận tải.

3. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Đại học Giao thông Vận tải.

4. Chủ nhiệm lập quy hoạch: PGS.TS.NGƯT. Từ Sỹ Sùa.

5. Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch phát triển vận tải taxi với mục tiêu về số lượng phương tiện cho các giai đoạn và hệ thống cơ sở hạ tầng tương ứng.

- Quy hoạch phát triển mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh phù hợp với nhu cầu, tránh gây xung đột với mạng lưới tuyến bus.

- Quy hoạch xác định vị trí (lý trình) của các điểm dừng đón trả khách phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định trên các tuyến quốc lộ và đường tỉnh của tỉnh Ninh Bình phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều kiện thực tế.

6. Nội dung quy hoạch:

6.1. Quy hoạch Vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Phương án quy hoạch số lượng xe taxi trên địa bàn tỉnh:

- Giai đoạn 2015-2020: 910 ÷ 1000 xe.

- Giai đoạn 2021-2025: 1200 ÷ 1300 xe.

- Giai đoạn 2026-2030: 1450 ÷ 1600 xe.

b) Phương án quy hoạch điểm đỗ cho xe taxi

- Điểm đỗ tại các bến xe:

+ Bến loại 1 dành 15 ÷ 30 vị trí cho xe taxi.

+ Bến loại 2 dành 10 ÷ 20 vị trí cho xe taxi.

+ Bến loại 3 dành 6 ÷ 10 vị trí cho xe taxi.

+ Bến loại 4 dành 4 ÷ 8 vị trí cho xe taxi.

+ Bến loại 5 dành 1 ÷ 3 vị trí cho xe taxi.

+ Bến loại 6 không bắt buộc.

- Điểm đỗ tại các bến thuyền du lịch: Bố trí kết hợp vị trí đỗ taxi trong khu vực đỗ công cộng (công trình phục vụ giao thông tỉnh) với định mức tối thiểu: 3÷5 vị trí (Danh sách chi tiết nêu trong quy hoạch).

- Điểm đỗ tại đầu mối giao thông khác: Ga Ninh Bình mới tối thiểu 15 ÷ 20 vị trí và Cảng hàng không tối thiểu 10 ÷ 15 vị trí.

- Điểm đỗ công cộng trên các tuyến giao thông:

Tuyến đường lớn (bề rộng từ 20m trở lên) xem xét bố trí 1 làn đường dành riêng cho xe con và xe taxi. Tuyến đường nhỏ hơn tùy theo điều kiện bố trí các vị trí dừng đỗ sát vỉa hè (Danh sách chi tiết các vị trí đỗ xe theo thuyết minh trình duyệt).

- Điểm đỗ công cộng kết hợp với bãi đỗ xe

+ Có thể cho phép xe taxi đỗ tại các bãi đỗ xe (do Tỉnh quy hoạch và đầu tư xây dựng) trong thời gian chờ đợi phục vụ hành khách.

+ Đối với các khu vực (đô thị, huyện...) đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết được phê duyệt cho phép bố trí số vị trí đỗ cho xe Taxi không vượt quá 15% tổng diện tích của các bãi đỗ xe đã được quy hoạch.

+ Đối với các đô thị chưa lập quy hoạch chung, dự kiến hình thành trong tương lai, bên cạnh các vị trí đỗ tại các bến xe, phải bố trí tối thiểu 01 bãi đỗ taxi riêng biệt hoặc tích hợp trong bãi đỗ xe công cộng.

- Điểm đỗ tại các điểm du lịch và khu công nghiệp, cụm công nghiệp

+ Đối với điểm du lịch: Gồm 22 điểm với quy mô đề xuất chi tiết cho từng giai đoạn.

+ Đối với Khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Bố trí vị trí đỗ cho xe taxi gần các khu, cụm công nghiệp với nguyên tắc số vị trí đỗ xe taxi tối thiểu ở Cụm công nghiệp là 05 và ở Khu công nghiệp là 10 (Danh sách chi tiết các vị trí đỗ theo thuyết minh trình duyệt).

c) Phương án quy hoạch số lượng doanh nghiệp taxi

Theo quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính Phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, từ 01/01/2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh VTHK bằng xe taxi phải có số lượng xe tối thiểu 10 xe. Do đó, căn cứ số lượng xe taxi theo quy hoạch từng giai đoạn để tính toán số lượng đơn vị vận tải taxi.

6.2. Quy hoạch mạng lưới tuyến VTHK cố định nội tỉnh

a) Nguyên tắc quy hoạch mạng lưới tuyến

- Tuyến vận tải hành khách nội tỉnh phải bắt đầu và kết thúc tại bến xe.

- Lộ trình tuyến được xác định trước, chạy qua các khu vực đông dân cư và hạn chế trùng lặp với: Tuyến vận tải hành khách bằng xe bus; Tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh nhằm giảm thiểu tình trạng cạnh tranh căng thẳng giữa các loại hình.

- Lộ trình tuyến cố định nội tỉnh chạy qua tối thiểu 02 huyện/ thành/ thị

- Ưu tiên quy hoạch tuyến nội tỉnh trên cơ sở các tuyến vận tải hành khách cố định hiện tại; Các tuyến không có (chưa có) quy hoạch vận tải xe bus; Các tuyến nhu cầu đi lại không thường xuyên, có thể tổ chức vận tải với số lượng phương tiện nhỏ và giãn cách chạy xe lớn, tần suất hoạt động thấp, không liên tục.

- Thực hiện chuyển đổi thành tuyến bus khi nhu cầu đi lại tăng trưởng và mạng lưới tuyến xe bus hình thành tương đối hoàn thiện.

b) Phương án quy hoạch mạng lưới tuyến

- *Giai đoạn 2015 – 2020*: Điều chỉnh điểm đầu, cuối của tuyến 01, giữ nguyên tuyến 02 hiện đang hoạt động và quy hoạch thêm 02 tuyến 03 và 04:

+ Tuyến 01: *Bến xe khách Kim Đông (Côn Thoi) – Kim Sơn – Ngã 3 Khánh Nhạc – Thị trấn Yên Ninh – ngã 3 Ninh Phúc – Bến xe khách phía Bắc thành phố Ninh Bình (và ngược lại).*

+ Tuyến 02: *Bến xe khách Kim Đông (Côn Thoi) – Quốc lộ 12B kéo dài – Công Cà Mau – Yên Mô – Quốc lộ 1–Ngã 3 Gián – Đường tỉnh 477 – Bến xe khách Nho Quan (và ngược lại).*

+ Tuyến 03: *Bến xe khách phía Nam thành phố Ninh Bình – Đường tỉnh 480 – Đường tỉnh 478 – Quốc lộ 38B – Quốc lộ 12B – Bến xe Rịa (và ngược lại).*

+ Tuyến 04: *Bến xe Rịa – Quốc lộ 45 – Đường tỉnh 478 D (Trong quy hoạch GTVT) – Đường tỉnh 480D – Quốc lộ 12B kéo dài – Bến xe thị trấn Yên Thịnh (và ngược lại).*

- *Giai đoạn 2021 - 2030*: Đây là giai đoạn mà theo quy hoạch mạng lưới tuyến bus đã hình thành tương đối hoàn thiện, bản thân các tuyến cố định nội tỉnh của giai đoạn trên cũng bắt đầu có sự trùng lặp với các tuyến bus của giai đoạn này (gồm tuyến: 02, 05, 08, 12, ...) do đó đề xuất giai đoạn này tiến hành ngừng hoạt động khai thác các tuyến cố định nội tỉnh. Tập trung hoàn thiện mạng lưới xe bus.

6.3. Quy hoạch mạng lưới điểm dừng đỗ phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định

a) Nguyên tắc quy hoạch

- Điểm đón, trả khách chỉ được bố trí tại các vị trí đảm bảo an toàn giao thông: Không bố trí điểm dừng đón trả khách tại các đoạn đường cong, bán kính nhỏ; Cách điểm dừng của hướng giao thông đối diện tối thiểu 10m.

- Điểm dừng bố trí thuận tiện cho hành khách lên, xuống xe và tiếp cận đến điểm đón, trả khách, không ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên đường: Điểm dừng được bố trí ở 2 bên tuyến đường (cặp điểm dừng);

- Đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đón, trả khách liền kề hoặc giữa điểm dừng đón, trả khách với trạm dừng nghỉ hoặc bến xe theo quy hoạch GTVT trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 (Theo quy định tại Thông tư 63/2014/TT-BGTVT khoảng cách này tối thiểu là 05 km).

- Tập trung ưu tiên bố trí điểm dừng đón trả khách trên các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn tỉnh có sự hoạt động của tuyến vận tải hành khách tuyến cố định.

b) Phương án quy hoạch:

Trên cơ sở nguyên tắc bố trí và hiện trạng cũng như quy hoạch định hướng phát triển GTVT trên địa bàn tỉnh, phương án đề xuất vị trí cơ bản bố trí các điểm dừng. Tuy nhiên trong thực tế triển khai, để đảm bảo tính khả thi cao nhất, cho phép lựa chọn các vị trí cách vị trí cơ bản được nêu trong quy hoạch tối đa 500 mét. Tổng số 19 cặp điểm (Danh sách các vị trí cơ bản được nêu trong báo cáo và phụ lục kèm theo).

7. Tổng hợp nhu cầu quỹ đất

a) Đối với các điểm đỗ taxi (đơn vị tính m²)

TT	Hạng mục	Giai đoạn		
		2015-2020	2021-2025	2026-2030
1	Khu vực đỗ tại Gara	9.969	12.964	15.949
2	Khu vực đỗ tại đầu mối giao thông	3.261	4.503	5.670
3	Khu vực đỗ tại các điểm du lịch, KCN, CCN	4.338	5.954	7.555
4	Khu vực đỗ công cộng	11.394	14.816	18.227
Tổng cộng		28.963	38.238	47.423
Làm tròn		29.000	36.300	47.500

b) Đối với điểm dừng tuyến cố định

TT	Tuyến đường	Số cặp điểm	Nhu cầu quỹ đất (m ²)	
			Đến 2025	2026-2030
1	Quốc lộ 1	2	320	320
2	Quốc lộ 10	2	320	320
3	Đường tỉnh 483	1	-	160
4	Quốc lộ 12B	3	480	480
5	Quốc lộ 12B kéo dài	3	480	480
6	Quốc lộ 38B	1	160	160
7	Quốc lộ 45	1	160	160
8	Quốc lộ 12B mới	1	160	160
9	Đường tỉnh 477	1	-	160
10	Đường tỉnh 477E	2	-	320
11	Đường tránh thành phố Ninh Bình	1	-	160
12	Đường tỉnh 481C	1	-	160
Tổng số		19	2080	3040

8. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển và cơ cấu nguồn vốn

a) Đối với quy hoạch phát triển taxi

Giai đoạn	Nguồn vốn	Khoản mục	Tổng số	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)
2015	XHH	Phương tiện tăng thêm trong giai đoạn (xe)	302	120.800	150.708
-		Gara, điểm tập kết (m ²)	9.969	29.908	
2020	NS	Xác định vị trí, sơn kẻ vạch, cắm biển báo (vị trí)	476	952	952

2021	XHH	Phương tiện tăng thêm trong giai đoạn (xe)	286	114.400	123.385
		Gara, điểm tập kết Cần thêm trong giai đoạn (m ²)	2.995	8.894	
2025	NS	Xác định vị trí, sơn kẻ vạch, cắm biển báo (vị trí thêm trong GD)	143	286	286
2026	XHH	Phương tiện tăng thêm trong giai đoạn (xe)	285	114.000	123.385
		Gara, điểm tập kết Cần thêm trong giai đoạn (m ²)	2.995	8.985	
2030	NS	Xác định vị trí, sơn kẻ vạch, cắm biển báo (vị trí thêm trong GD)	143	286	286

Trong cơ cấu nguồn vốn trên, phần lớn trong tổng vốn đầu tư là vốn xã hội hóa. Đây là nguồn vốn đưa trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và được hạch toán trong giá thành và thu lại trong doanh thu do đó mặc dù số lượng vốn đầu tư lớn nhưng vẫn đảm bảo khả năng khả thi trong các giai đoạn.

b) Đối với quy hoạch phát triển vận tải tuyến cố định nội tỉnh

TT	Tuyến đường	Số cặp điểm	Diện tích (m ²)	Vốn đầu tư giai đoạn (Triệu đồng)		
				2015-2020	2021-2025	2026-2030
1	Quốc lộ 1	2	320	8	640	-
2	Quốc lộ 10	2	320	8	640	-
3	Đường tỉnh 483	1	160	4	-	320
4	Quốc lộ 12B	3	480	12	960	-
5	Quốc lộ 12B kéo dài	3	480	12	960	-
6	Quốc lộ 38B	1	160	4	320	-
7	Quốc lộ 45	1	160	4	320	-
8	Quốc lộ 12B mới	1	160	4	320	-
9	Đường tỉnh 477	1	160	4	-	320
10	Đường tỉnh 477E	2	320	8	-	640
11	Đường tránh thành phố Ninh Bình	1	160	4	-	320
12	Đường tỉnh 481C	1	160	4	-	320
Tổng số		19	3040	76	4160	1920

Điều 2. Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, VP4,3,5.
Nh.62

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch

